CHI NHÁNH SỐ 1
CÔNG TY CP TƯ VẤN KĐ VLXD VÀ TM HƯNG THỊNH
======000oo000======
Số: 04-26/CVHT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----oo0oo-----

Hải Phòng, ngày 01 tháng 04 năm 2026

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH SỐ 1
CÔNG TY CP TƯ VẤN KĐ VLXD VÀ TM HƯNG THỊNH

(V/v: Phân công công việc cho từng cá nhân phòng thí nghiệm)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;.

- Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

- Xét đề xuất Xét đề xuất của Phòng thí nghiệm kiểm đinh xây dựng về việc phân công nhiệm vụ cán bộ của phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phân công nhiệm vụ cụ thể của toàn thể cán bộ thí nghiệm theo bảng phân công nhiệm vụ đính kèm.

Điều 2: Đồng chí Trưởng phòng có nhiệm vụ Quản lý chung hoạt động của phòng thí nghiệm và chịu trách nhiệm trước ban lãnh đạo công ty về nhiệm vụ của mình.

Điều 3: Các ông/bà Trưởng phòng thí nghiệm và các phòng ban, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các quyết định trước đó không còn phù hợp.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Các đơn vị trực thuộc Công ty;
- Lưu văn phòng Công ty.

CHI NHÁNH SỐ 1
CÔNG TY CP TƯ VẤN KĐ VLXD VÀ TM HƯNG THỊNH

M.S.D.N: 0201250070-C.T.C.P * CHI NHÁNH SỐ 1 * CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI HƯNG THỊNH * Q.NGÔ QUYỀN T.P HẢI PHÒNG

GIÁM ĐỐC

Đinh Trần Long

BẢNG PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

(Kèm theo quyết định số số Số: 04 -26QĐ..... ngày 01./04/..2026)

I. NHIỆM VỤ CHUNG QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH PHÒNG THÍ NGHIỆM:

Có nhiệm vụ chung xây dựng hệ thống quản lý hoạt động phòng thí nghiệm, theo dõi, giám sát các hoạt động phòng thí nghiệm phù hợp với công việc của phòng thí nghiệm, tham mưu, đề xuất với Ban lãnh đạo công ty các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của phòng thí nghiệm:

Cụ thể theo bảng sau:

Lĩnh vực phụ trách	Họ và tên	Chức vụ	Chức năng - Nhiệm vụ	Ghi chú
Quản lý phòng thí nghiệm	Nguyễn Quang Dũng	Trưởng phòng	- Trưởng phòng thí nghiệm phụ trách chung điều hành công việc mọi hoạt động liên quan của phòng thí nghiệm + Chịu trách nhiệm về công tác quản lý chất lượng, công tác thí nghiệm, tính trung thực, khách quan của các kết quả thí nghiệm của Phòng thí nghiệm xuất ra khỏi phòng trước khách hàng, trước ban lãnh đạo công ty và trước pháp luật. + Tham mưu cho Ban lãnh đạo công ty xây dựng chính sách chất lượng, định hướng phát triển của phòng thí nghiệm, xây dựng mối quan hệ với khách hàng + Tổ chức sắp xếp, tham mưu cho Ban lãnh đạo công ty tổ chức sắp xếp cán bộ nhân sự cho phòng thí nghiệm theo nhu cầu công việc để đạt được hiệu quả cao nhất + Trực tiếp điều động nhân sự trong phòng thí nghiệm phục vụ công tác thí nghiệm đáp ứng nhu cầu của khách hàng và tiến độ của công việc + Điều hành hoạt động của các Trạm thí nghiệm tại hiện trường khi có công trình yêu cầu đặt phòng thí nghiệm. + Quản lý trang thiết bị thí nghiệm, có kế hoạch trong phòng thí nghiệm đảm bảo công tác quản lý tài sản của Công ty. + Tham gia xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng cho phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn và quy chế quản lý phòng thí nghiệm hiện hành theo quy định. + Đề xuất với Ban lãnh đạo công ty về các chương trình đạo tạo nâng cao tay nghề cho các thí nghiệm viên. + Quản lý chung hồ sơ, kết quả thí nghiệm, tiến độ các công trình mà công ty tham gia thí nghiệm. + Tham gia đóng góp xây dựng, cập nhật, thay đổi, giám sát hệ thống quản lý chất lượng phòng thí nghiệm ISO17025:2007	
Xây dựng hệ thống QLCL theo ISO 17025:2017	Đinh Trần Long Nguyễn Quang Dũng Phạm Thị Thùy		- Các nhân sự trên có nhiệm vụ chung trong công tác tổ chức hoạt động của phòng thí nghiệm, nhiệm vụ cụ thể được Trưởng phòng thí nghiệm hoặc lãnh đạo công ty giao tại mỗi thời điểm phù hợp với tiến độ công việc và năng lực chuyên môn: + Tham mưu cho Ban lãnh đạo công ty tổ chức sắp xếp cán bộ nhân sự cho phòng thí nghiệm theo nhu cầu công việc để đạt được hiệu quả cao nhất + Trưởng phòng có trách nhiệm trực tiếp điều động, phân công, giám sát, hỗ trợ các nhân sự trong phòng thí nghiệm phục để phục vụ công tác thí nghiệm nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng và tiến độ của các Hợp đồng thí nghiệm đã ký kết + Phó Giúp Trưởng Phòng thí nghiệm Điều hành hoạt động của các Trạm thí nghiệm tại hiện trường khi có công trình yêu cầu đặt phòng thí nghiệm. + Tham gia xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng cho phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn và quy chế quản lý phòng thí	

			nghiệm hiện hành theo quy định. - Trực tiếp tham gia thí nghiệm và chịu trách nhiệm về các kết quả thí nghiệm của mình khi yêu cầu công việc cần sự đáp ứng về tiến độ, trình độ năng lực - Đề xuất với trưởng phòng thí nghiệm và Ban lãnh đạo công ty về các chương trình đạo tạo nâng cao tay nghề cho các thí nghiệm viên. - Thống kê, theo dõi, xây dựng, cập nhật, thay đổi, giám sát hệ thống quản lý chất lượng phòng thí nghiệm ISO17025:2007	
Tiếp nhận mẫu, theo dõi và lưu mẫu, trả hồ sơ	Quản Thị Hông Hải	Nhân viên phòng Hành Chính, kế toán, văn thư	- Làm công tác hành chính trong Phòng thí nghiệm: + Tiếp nhận tất cả các yêu cầu, thông tin phản ánh đến của khách hàng kể cả các thông tin khiếu nại của khách hàng để báo cáo Ban lãnh đạo Công ty + Tiếp nhận mẫu, Mã hóa mẫu thí nghiệm, chuyển đến cho cán bộ thí nghiệm, vào sổ lưu mẫu, theo dõi quá trình lưu mẫu, làm biên bản hủy mâu theo quy định + Trả Hồ sơ, kết quả thí nghiệm cho khách hàng và theo dõi Hồ sơ kết quả thí nghiệm + Theo dõi, Quản lý các mẫu lưu theo định của công ty và của yêu cầu khách hàng. + Theo dõi công nợ khách hàng, làm các Hồ sơ thanh toán các hợp đồng thí nghiệm. + Giúp Trưởng phòng theo dõi quản lý trang thiết bị thí nghiệm, lập kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng, kiểm định/hiệu chuẩn thiết bị theo định kỳ hoặc có yêu cầu đột xuất đảm bảo công tác quản lý tài sản của Công ty. + Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban lãnh đạo phân công	

II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ CỦA CÁC THÍ NGHIỆM VIÊN:

- Chức năng chung:

+ Trực tiếp nhận mẫu từ cán bộ tiếp nhận mẫu, chuẩn bị mẫu theo các tiêu chuẩn thí nghiệm, lập các quy trình, chuẩn bị các dụng cụ, máy móc phục vụ công tác thí nghiệm, thực hiện thí nghiệm, phân tích đánh giá kết quả, xuất kết quả theo biểu mẫu quy định tại tiêu chuẩn, trình lãnh đạo phê duyệt kết quả, trả kết quả cho người tiếp nhận để trả kết quả cho khách hàng

+ Tư vấn, đề xuất với trưởng phòng về các điều kiện để thực hiện thí nghiệm một cách khách quan, trung thực

+ Hỗ trợ các bộ phận khác khi có yêu cầu của trưởng phòng

+ Tham mưu, tư vấn cho lãnh đạo các trong việc xây dựng các hướng dẫn thí nghiệm trong lĩnh vực phụ trách

+ Hỗ trợ các công việc khác của phòng thí nghiệm khi có yêu cầu của cấp trên.

+ Quản lý trực tiếp hồ sơ, kết quả thí nghiệm mộc do mình thực hiện, theo dõi đáp ứng tiến độ các công trình được giao tham gia thí nghiệm.

Nhiệm cụ chi tiết theo bảng phân công sau:

1. Cán bộ, nhân viên của phòng thí nghiệm

TT	Họ và tên	Năm sinh	Số chứng minh nhân dân	Bằng cấp, chứng chỉ	Công việc được giao hiện nay (cụ thể từng lĩnh vực thử nghiệm)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
1	Nguyễn Quang Dũng	1984	022084004623	- 01, 29/04/2010, Viện KHCN xây dựng - 02, 17/11/2017, Học viện CB quản lý xây dựng và đô thị - 03, 16/04/2012, CN Số 1 - Công ty CP TVKĐ VLXD và TM Hưng Thịnh - 04, 22/05/2019, Viện KH và công nghệ GTVT	Kỹ sư	
2	Đinh Trần Long	1983		- 01, Viện NC đào tạo và bồi dưỡng CB Hà Nội - 02, Viện KH và công nghệ GTVT -	Kỹ sư	
3	Hoàng Đình Duẩn	1988	031441457	- 01, Viện KHCN xây dựng - 02, Viện KH và công nghệ GTVT	Kỹ sư, Thí nghiệm Viên	
4	Bùi Quốc Thân	1980	031086620	- 01, Viện KHCN xây dựng - 02, Viện KH và công nghệ	Kỹ sư, Thí nghiệm Viên	

				GTVT, -03 viện năng lượng nguyên tử NDE, -04 KĐ & XD bảo Ngọc; -05 viện KH và KTHN		
5	Nguyễn Anh Đức	1983		01, 02, 03, Viện NC và ứng dụng VLXD Nhiệt đới	Thí nghiệm Viên	
6	Hoàng Trọng Tấn	1998		01, Viện NC và ứng dụng VLXD Nhiệt đới	Thí nghiệm Viên	

2. Danh mục các phép thử do thí nghiệm viên thực hiện

TT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Người thực hiện thí nghiệm	Ghi chú
1	2	3	4	5
I	**XI MĂNG**			
1	- Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023; BS EN 196-5;196-6; ASTM C150, C184, C188, C204, C115, C430, C786; AASHTO T153; T133; T192; M85	*Nguyễn Quang Dũng* *Hoàng Đình Duẩn* *Bùi Quốc Thân* *Nguyễn Anh Đức* *Hoàng Trọng Tấn*	
2	- Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011; BS EN 196-1;196-3; ISO 679; AASHTO M85; AASHTO T106; ASTM C191, C150, C109, C348, D1635; JIS R5201		
3	- Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích, hàm lượng bọt khí	TCVN 6017:2015; TCVN 8875:2012;TCVN 8876:2012; BS EN 196-5; 196-3; BS 1881; ASTM C191, C191, C151, C187, C359, C150; AASHTO T131, M85; JIS R5201		
II	**CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA**			
4	- Xác định thành phần cỡ hạt, modun độ lớn	TCVN 7572-2:06; AASHTO T27, M6, M8; ASTM C136, C33; BS EN 932-1:12, 933-1:12; JIS A1102	*Nguyễn Quang Dũng* *Hoàng Đình Duẩn* *Bùi Quốc Thân* *Nguyễn Anh Đức* *Hoàng Trọng Tấn*	
5	- Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:06; AASHTO T84, T85, M6, M8; ASTM C33, C127, C128; ASTM C29; BS EN 1097-6:00; EN 1097-7:08; JIS A1109, A1110, A1111		
6	- Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06; AASHTO T84, T85; ASTM C127		
7	- Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hổng	TCVN 7572-6:06; AASHTO T19, M6, M8; ASTM C29, C33; BS EN 1097-3,4:08; JIS A1104		
8	- Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:06; ASTM C566; AASHTO T255, M6, M8, T142; JIS A1125:07; BS EN 1097-5		
9	- Xác định hàm lượng bùn. Bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:06; AASHTO T11, T112; ASTM C117, C142; EN 933-1:12; JIS A1103; A1137		

10	- Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06; ASTM C40, C33; AASHTO T21, M6, M8; JIS A1105		
11	- Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06; ASTM D2938; ASTM C33; AASHTO M6, M8; JIS M0302		
12	- Xác định độ nén dập, hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06; ASTM D2938; ASTM C33; AASHTO M6, M8; JIS M0302		
13	- Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (los Angeles)	TCVN 7572-12:06; AASHTO T82, T96, M6, M8, T327; ASTM C131, C535, C33; BS EN 1092-2; JIS A1121		
14	- Xác định hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06; AASHTO T335, M6, M8; BS EN 933; ASTM C33, C88		
15	- Xác định khả năng phản ứng kiềm silic cho cốt liệu bê tông và vữa	TCVN 7572-14:06; ASTM C227; JIS A1146		
16	- Hàm lượng ion clo cho cốt liệu bê tông và vữa	TCVN 7572-15:06; ASTM C123; BS 1744		
17	- Xác định hàm lượng sunfat và sunfit trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-16 : 06; AASHTO M6, M8; ASTM C33		
18	- Xác định hàm lượng hạt mềm yếu và phong hóa	TCVN 7572-17 : 06; AASHTO M6, M8; ASTM C33		
19	- Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18 : 06		
20	- Xác định hàm lượng silic oxit vô định hình	TCVN 7572-19 : 06		
21	- Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:06		
22	- Xác định hệ số ES	ASTM D2419-09; AASHTO T176		
23	- Xác định góc dốc tự nhiên của cát	ASTM D1883		
III	**HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG**			
24	- Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106 : 22; ASTM C138, C39, C143; AASHTO T121, T119; BS EN 12350-6:09; JIS A1106	*Nguyễn Quang Dũng* *Hoàng Đình Duẩn* *Bùi Quốc Thân* *Nguyễn Anh Đức* *Hoàng Trọng Tấn*	
25	- Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bêtông	TCVN 3108:22; ASTM C143, C39, C138; AASHTO T119, T121; BS EN 12350; JIS A1101, A1116		
26	- Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:22; ASTM C232, C39; AASHTO T158; JIS A1123:10; BS1881; BS EN 12350-4		
27	- Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bêtông	TCVN 3110:2022; ASTM D2850-03a; ASTM		

		D4767-3a; AASHTO T234; BS EN 12350;BS 1377		
28	- Xác định hàm lượng bọt khí	TCVN 3111:2022; ASTM C173, C39, C231, C185; AASHTO T152, T121; JIS A1128 : 05; BS EN 12350-7:09		
29	- Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022; ASTM C642, C231, C39, C127, C128; BS EN 12350-7:09		
30	- Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022; ASTM C642, C39, C127, C128; BS EN 12350-7		
31	- Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:2022		
32	- Xác định khối lượng thể tích bê tông	TCVN 3115:2022;AASHTO T22; ASTM C39; ASTM C642; BS EN 12350		
33	- Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:2022; TCVN 8218:2009; BS 1881; ASTM C39, C403, D6489		
34	- Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022; TCVN 10303:2014; ASTM C39, C42; AASHTO T22, T24, T140; BS EN 12390, 12504; BS1881; JIS A1108, A1107, A1136; AS 1012.9:2014;		
35	- Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022; BS EN 12390:09; ASTM C293; ASTM C78; AASHTO T97, T126 ; AASHTO T177; JIS A1106:06; JIS A1114		
36	- Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bửa	TCVN 3120:2022; BS EN 12390:09; ASTM C496; AASHTO T198; JIS A1113		
37	- Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCVN 9338:12; ASTM C403; AASHTO T197		
38	- Xác định cường độ bê tông bằng khoan lõi	TCXDVN 239:2006; TCVN 12252:2020; ASTM C42, C39-04a; AASHTO T22		
39	- Xác định hàm lượng sunfat	TCVN 9336 : 2012	*Bùi Quốc Thân*	
40	- Xác định hàm lượng clorua	ASTM C1202; ASTM C1152; ASTM C1218; AASHTO T277; AASHTO T260; JIS A1154		
41	- Xác định nhiệt độ hỗn hợp bê tông	ASTM C1064; AASHTO T309; JIS A1156	*Nguyễn Quang Dũng* *Hoàng Đình Duẩn* *Bùi Quốc Thân*	
42	- Bê tông tự lèn	TCVN 12209:2018 BS EN12350 phần 5		
43	- Xác định độ thấm ion Clo bằng phương pháp đo điện	TCVN 9337:2012; AASHTO T260; ASTM C1152, C1218		

	lượng			
IV	**VỮA XÂY DỰNG**			
44	- Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:22 ; EN 1051-1:99	*Nguyễn Quang Dũng* *Hoàng Đình Duẩn* *Bùi Quốc Thân* *Nguyễn Anh Đức* *Hoàng Trọng Tấn*	
45	- Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:22 ; TCVN 9028 : 2011; BS EN 1015-3,4 :99; ASTM C1437		
46	- Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:22 ; BS EN 1015-6		
47	- Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:22 ; TCVN 9028 : 2011; BS EN 1015:99; ASTM C1437		
48	- Xác định khả năng thời gian bắt đầu đông kết của vữa	TCVN 3121-9:22 ; EN 1015-9 :99; ASTM C807		
49	- Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10:2022; TCVN 9028:2011; EN 1015-10; ASTM C109		
50	- Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2022 ; AASHTO T106; ASTM C109; BS EN 1015-11		
51	- Xác định cường độ bám dính của vữa đã đóng rắn trên nền	TCVN 3121-12:22		
52	- Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 9028:2011; TCVN 3121-18:22; ASTM C1218, C1403; BS EN 1015-18,19		
53	- Vữa chèn cáp dự ứng lực : xác định lượng vón cục trên sàng 2mm, thành phần hạt có hại trong cốt liệu, độ chảy, độ tách nước và thay đổi thể tích, thời gian đông kết, cường độ nén.	TCVN 11971:2018		
54	- Vữa, keo chít mạch và keo dán gạch xác định: độ trượt; cường độ bám dính; biến dạng ngang; độ bền hóa; cường độ nén; cường độ uốn	TCVN 7899-2:2008 TCVN 7899-4:2008 ISO 13007		
V	**ĐẤT TRONG PHÒNG**			
55	- Khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:12; AASHTO T100; ASTM D854	*Nguyễn Quang Dũng* *Hoàng Đình Duẩn* *Bùi Quốc Thân* *Nguyễn Anh Đức* *Hoàng Trọng Tấn*	
56	- Độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:12; ASTM D2216		
57	- Giới hạn dẻo và giới hạn chảy	TCVN 4197:12; AASHTO T89; T90; ASTM D4318		
58	- Thành phần hạt	TCVN 4198:14; AASHTO T27; T11; T88;		

		ASTM C136; D1140; D422;		
59	- Độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012; 22TCN 333:2006; TCVN 12790:2020 AASHTO T99, T180; ASTM D1557, D698;		
60	- Khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012; ASTM D2937		
61	- Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) trong phòng	22TCVN 332:2006; TCVN 8821:2011; TCVN 12792:2020 ASTM D1883; AASHTO T193		
62	- Xác định KL thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời	TCVN 8721:12; BS 1377		
63	- Xác định đặc trưng lún ướt của đất rời	TCVN 8722: 12; BS 1377		
64	- Hệ số thấm của đất	TCVN8723:12; BS 1377; ASTM D2434, D1289; AASHTO T204; JIS A 1218; GOST 25584		
65	- Hàm lượng hữu cơ của đất (cát)	TCVN 8726:2012; ASTM D2974 ; AASHTO T267		
66	- Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012		
67	- Cọc xi măng đất: xác định sức kháng nén, sức chịu tải, thí nghiệm nén ngang trong hố khoan	TCVN 9403:12; ASTM D2166	*Hoàng Đình Duẩn* *Nguyễn Anh Đức*	
68	-Xác định cường độ kéo khi ép chẻ của Vật liệu	TCVN 8862: 2011	*Nguyễn Quang Dũng* *Hoàng Đình Duẩn* *Bùi Quốc Thân*	
69	-Đất xây dựng - Xác định tổng hàm lượng và hàm lượng các ion thành phần muối hòa tan của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 9407:2014; TCVN 4866:2007; TCVN 8727:2012; TCVN 4198:2014		
VI	**KIỂM TRA THÉP, KIM LOẠI, MỐI HÀN**			
70	- Thử kéo	TCVN 197:14; TCVN7937:13; ISO 16035; TCVN 5709:93; ASTM A615, A370,A36/36M; AASHTO T68M; BS4449; JIS Z2241; JIS G3444	*Nguyễn Quang Dũng* *Hoàng Đình Duẩn* *Bùi Quốc Thân*	
71	- Thử uốn	TCVN 198:08; TCVN7937:13; ISO 16035; ASTM A615; A370; AASHTO T68M; BS4449; JIS Z2248		
72	- Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại - - thử uốn	TCVN 5401:2010; ASTM E190		
73	- Kiểm tra chất lượng ống – thử nén bẹp	TCVN 1830 : 2008; ASTM A370		

74	- Thử kéo bu lông , cóc nối	TCVN 1916:1995; ASTM A370; AASHTO T68		
75	- Thử phá hủy mối hàn kim loại - thử kéo ngang	TCVN 8310:2010; AASHTO T68; JIS Z3122		
76	- Thử phá hủy mối hàn kim loại - thử kéo dọc	TCVN 8311:2010; AASHTO T68; JIS Z3122		
77	- Thép cốt bê tông - mối nối bằng ống ren, cóc nối thép	TCVN 8163:2009; TCVN 13711:2023		
78	- Kiểm tra không phá huỷ-phương pháp thẩm thấu	TCVN 4617:1988		
79	- Kiểm tra không phá huỷ mối hàn - phương pháp siêu âm	TCVN 6735:2000; AWS D1.1M/D1.1; BS EN 287; ISO 5817	*Bùi Quốc Thân*	
80	- Thử không phá hủy - Phương pháp từ tính	TCVN 4396:2018; ISO 9934:2015; ASME Sec.V, Art.7 (2017); ASTM E 797-15; DIN EN ISO 17638; AWS D1.1:2015, D1.5:2015	*Bùi Quốc Thân*	
81	- Thép dùng trong bê tông cốt thép - Phương pháp thử uốn và uốn lại	TCVN 6287:1997	*Nguyễn Quang Dũng* *Hoàng Đình Duẩn* *Bùi Quốc Thân*	
82	- Nêm, neo cáp dự ứng lực xác định: tải trọng phá hỏng thực tế; đo kích thước hình học	22 TCN 267:2000; TCVN 6284:1997 TCVN 6368:1998; ASTM A370, A416		
83	- Cơ lý nhôm: Xác định độ bền kéo; độ giãn dài tương đối; độ cứng; dung sai kích thước.	TCXDVN 330:2004; TCVN 197:2014, TCVN 258-1:2007; ASTM B557		
84	- Thí nghiệm lưới thép hàn: Xác định độ bền kéo, độ bền uốn, độ bền mối hàn	TCVN 1651-3:2008; ASTM A975, A82, A83		
85	- Lớp phủ kẽm nhúng nóng - Phương pháp thử (lấy mẫu, đặc tính lớp phủ, xác định chiều dày lớp phủ)	TCVN 5408:2007; (ISO 01461:1999)		
86	- Xác định chiều dày lớp phủ, chiều dày sơn	TCVN 2095:1993; TCVN 9406:2012		
87	- Ống thép đen xác định: cường độ; kích thước ngoại quan; kiểm tra nén phẳng	ASTM A53, A500/A500M; API-5L; BS 1387; EN 10255; JIS G 3444		
VII	**NHỰA BITUM, NHỰA ĐƯỜNG LỎNG, NHŨ TƯƠNG AXÍT**			
88	- Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005; AASHTO M82; AASHTO T49	*Nguyễn Quang Dũng* *Hoàng Đình Duẩn* *Bùi Quốc Thân* *Nguyễn Anh Đức* *Hoàng Trọng Tấn*	
89	- Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005; AASHTO M82; AASHTO T49		
90	- Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005; AASHTO M82,T53; ASTM D36		

91	- Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:2005; TCVN 8818-2:2011; AASHTO M82,T48; ASTM D92	*Hoàng Trọng Tấn*	
92	- Xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:2005; AASHTO M82, T47; ASTM D5, D6		
93	- Xác định lượng hòa tan của nhựa trong tricloretylen	TCVN 7500:2005; ASTM D2042; AASHTO T44		
94	- Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:2005; AASHTO M82; ASTM D70; AASHTO T228		
95	- Xác định độ nhớt động học,	TCVN 7502:2005; TCVN 8818-5:2011		
96	- Xác định hàm lượng paraphin bằng phương pháp chưng cất	TCVN 7503:2005		
97	- Xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504:2005;AASHTO M82; ASTM D3625; AASHTO T182		
98	- Thử nghiệm chưng cất	TCVN 8817-9:2011; TCVN 8818-4:2011		
99	- Hàm lượng nước	TCVN8818-3:2011		
VIII	**BÊ TÔNG NHỰA**			
100	- Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011; ASTM D1559, D1664, D6927; AASHTO T245;	*Nguyễn Quang Dũng* *Hoàng Đình Duẩn* *Bùi Quốc Thân* *Nguyễn Anh Đức* *Hoàng Trọng Tấn*	
101	- Hàm lượng nhựa bằng PP chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011; ASTM D2172; AASHTO T164, T246, T172;		
102	- Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011; ASTM D1559; ASTM C136; AASHTO T27, T172		
103	- Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng BTN ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011; ASTM D2041; AASHTO T209;		
104	- Xác định tỷ trọng khối , khối lượng thể tích BTN ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:2011; ASTM D2041; ASTM D1559; AASHTO T230		
105	- Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011; ASTM D1559; AASHTO T269		
106	- Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011; ASTM D1559; AASHTO T269		
107	- Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011; ASTM D2726; AASHTO T166		
108	- Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011; ASTM D1559; AASHTO T269		
109	- Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011; ASTM D1559; AASHTO T269		
110	- Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011; ASTM D1559; AASHTO T269		

111	- Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011; ASTM D1559; AASHTO T269; AASHTO T245		
IX	**BỘT KHOÁNG CHO BÊ TÔNG NHỰA**			
112	- Thành phần hạt, độ ẩm, hệ số thích nước	TCVN 12884-2:2020		
113	- Kiểm tra hình dáng bên ngoài; xác định hàm lượng nước; hàm lượng mất khi nung; xác định khối lượng riêng của bột khoáng chất; xác định độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa	22 TCN 58:1984; ASTM D5329; JIS A5008		
X	**GẠCH**			
114	- Gạch xây: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; cường độ uốn; độ hút nước; khối lượng thể tích; khối lượng riêng, xác định độ rỗng; xác định vết tróc do vôi; sự thoát muối	TCVN 6355:2009 ASTM C67; AASHTO T32	*Nguyễn Quang Dũng* *Hoàng Đình Duẩn* *Bùi Quốc Thân*	
115	- Gạch bê tông: Kiểm tra kích thước hình học, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ hút nước; độ thấm nước; độ rỗng	TCVN 6477:2016; ASTM C140		
116	- Gạch bê tông tự chèn: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ hút nước; độ mài mòn	TCVN 6476:1999; ASTM C140		
117	- Sản phẩm bê tông nhẹ xác định: Kích thước và khuyết tật ngoại quan; Cường độ nén; Độ hút nước; Khối lượng thể tích khô và độ ẩm; Độ co khô; Hệ số dẫn nhiệt	TCVN 9030:2017 ASTM C67; C140; AASHTO T32		
118	- Gạch Terazo: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ uốn; độ hút nước; độ mài mòn	TCVN 7744:2013; ASTM C140		
XI	**GẠCH ỐP LÁT, ĐÁ ỐP LÁT NHÂN TẠO VÀ TỰ NHIÊN**			
119	- Đá ốp lát tự nhiên và nhân tạo: Kiểm tra khuyết tật	TCVN 4732:2016; TCVN 8057:2009	*Nguyễn Quang Dũng* *Hoàng Đình Duẩn* *Bùi Quốc Thân*	

	lượng thể tích; xác định độ bền uốn, xác định độ cứng bề mặt; xác định độ mài mòn; xác định lực uốn gãy			
120	- Gạch ốp lát xác định: kích thước và chất lượng bề mặt; độ hút nước; khối lượng thể tích; độ bền uốn và lực uốn gãy; độ cứng bề mặt theo thang Mohs; độ mài mòn	TCVN 6415:2016		
XII	**PHÂN TÍCH HÓA CHO NƯỚC XÂY DỰNG**			
121	- Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:1988	*Nguyễn Anh Đức*	
122	- Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 6186:1996		
123	- Lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 6492:2011		
124	- Độ pH	TCVN 6200:1996		
125	- Hàm lượng ion sunfat ($SO4^{--}$)	TCVN 6194:1996		
126	- Hàm lượng ion clorua	TCVN 4506:2012		
XIII	**HIỆN TRƯỜNG**			
127	- Xác định dung trọng độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	TCVN 8729:2012; TCVN 8730:2012; TCVN 8305:2009; 22TCN 02:1971; TCVN 12791:2020 ASTM D2937; AASHTO T204	*Nguyễn Quang Dũng* *Hoàng Đình Duẩn* *Bùi Quốc Thân*	
128	- Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích, xác định độ chặt nền móng đường bằng phương pháp rót cát	TCVN 8729:2012; TCVN 8730:2012; 22TCN 346:2006; AASHTO T191; ASTM D1556; BS EN 1377		
129	- Xác định độ bằng phẳng mặt đường bằng phẳng mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011; ASTM E950; BS EN1082		
130	- Xác định môđun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011; ASTM D4695; AASHTO T256		
131	- Xác định môđun đàn hồi chung của kết cấu áo đường bằng cần benkelman	TCVN 8867:2011; AASHTO T256; ASTM D4685; D4685; D4729		
132	- Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011; ASTM E965		
133	- Đo điện trở đất, điện trở chống sét cho công trình	TCVN 9385:2012	*Bùi Quốc Thân*	

134	- Xác định cường độ bê tông bằng súng bật nẩy	TCVN 9334:2012	*Bùi Quốc Thân*	
135	- Xác định mô đun biến dạng hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012	*Nguyễn Quang Dũng* *Hoàng Đình Duẩn* *Bùi Quốc Thân* *Nguyễn Anh Đức*	
136	- Thí nghiệm CBR ngoài hiện trường	TCVN 8821:2011; ASTM D4429; BS1377		
137	- Cọc - Phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012	*Hoàng Đình Duẩn* *Nguyễn Anh Đức*	
138	- Thí nghiệm nhổ dọc trục cọc, đẩy ngang cọc	ASTM D3689; ASTM D3966	*Nguyễn Quang Dũng* *Hoàng Đình Duẩn* *Bùi Quốc Thân*	
139	- Quan trắc lún công trình, đo chuyển vị ngang, đo độ nghiêng công trình, trắc địa công trình xây dựng	TCVN 9360:2012;TCVN 9364:2012; TCVN 9398:2012; TCVN 9400:2012		
140	- Ống bê tông cốt thép: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan, sai lệch kích thước, chiều dày lớp bê tông bảo vệ cốt thép, độ vuông góc của ống, khả năng chịu tải, mối liên kết, cường độ bê tông, độ thấm nước	TCVN 9113:201; AASHTO T280 JIS A 5373		
141	- Cống hộp: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan, sai lệch kích thước, chiều dày lớp bê tông bảo vệ cốt thép, độ vuông góc của ống,khả năng chịu tải, mối liên kết, cường độ bê tông, độ thấm nước	TCVN 9116:2012 AASHTO T280 JIS A 5373		
142	- Cọc bê tông cốt thép ly tâm, cọc ván ứng lực trước: Xác định kích thước, ngoại quan và khuyết tật; độ bền uốn nứt thân cọc; độ bền uốn gãy thân cọc; độ bền uốn mối nối; kiểm tra độ bền uốn thân cọc dưới tải trọng nén dọc trục; kiểm tra khả năng bền cắt thân cọc.	TCVN 7888:2014; JIS A 5373	*Hoàng Đình Duẩn* *Nguyễn Anh Đức*	
143	- Xác định cường độ kéo nhổ của thép với bê tông	TCVN 9490:2012; TCVN 9491:2012; ASTM C900; ASTM 1512; BS 8539; BS5080; BS 1881	*Nguyễn Quang Dũng* *Hoàng Đình Duẩn* *Bùi Quốc Thân*	
144	- Thử nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của Bentonite xác định: khối lượng riêng; độ ổn định; độ nhớt, lực cắt tĩnh,	TCVN 9395:2012; TCVN 11893:2017; ASTM D4380, D4381, D4972	*Hoàng Đình Duẩn* *Nguyễn Anh Đức*	

	hàm lượng cát, độ dày áo sét, lượng tách nước, tỉ lệ chất keo, độ pH			
145	- Gối cống bê tông đúc sẵn xác định: cường độ bê tông; xác định kích thước; xác định ngoại quan và khuyết tật cho phép; xác định khả năng chịu tải	TCVN 10799:2015	*Hoàng Đình Duẩn* *Nguyễn Anh Đức*	
146	- Nắp hố ga và song chắn rác xác định: kích thước; khuyết tật ngoại quan; cường độ nén, độ mài mòn; khả năng chịu tải	TCVN 10333-3:2016; BS EN 124	*Nguyễn Quang Dũng* *Hoàng Đình Duẩn* *Bùi Quốc Thân*	
147	- Mương bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn xác định: khả năng chống thấm nước; khả năng chịu tải; kích thước và mức sai lệch kích thước; kiểm tra ngoại quan và các khuyết tật	TCVN 6394:2014	*Nguyễn Quang Dũng* *Hoàng Đình Duẩn* *Bùi Quốc Thân*	
148	- Xác định lực xiết bu lông	TCVN 1916:1995; TCVN 8298:2009; JIS B 1186; B1180	*Nguyễn Quang Dũng* *Hoàng Đình Duẩn* *Bùi Quốc Thân*	
149	- Sản phẩm bó vỉa bê tông đúc sẵn xác định: cường độ bê tông; khuyết tật, kích thước và mức sai lệch cho phép; khả năng chịu tải	TCVN 10797:2015		
150	- Thí nghiệm gia tải đánh giá độ bền, độ cứng khả năng chống nứt của cấu kiện, kết cấu bê tông	TCVN 9344:2012; TCVN 9347:2012		
XIV	**CƠ LÝ GỖ , GỖ NHÂN TẠO , VÁN MDF**			
151	- Xác định độ hút ẩm	TCVN 8046:2009; TCVN 11907:2017	*Nguyễn Quang Dũng* *Hoàng Đình Duẩn* *Bùi Quốc Thân*	
152	- Xác định độ ẩm khi thử cơ lý	TCVN 8048-1:2009; TCVN 11907:2017		
153	- Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8048-2:2009 TCVN 11907:2017		
154	- Xác định giới hạn bền khi uốn tĩnh	TCVN 8048-3:2009 TCVN 11907:2017		
155	- Xác định mô đun đàn hồi khi uốn tĩnh	TCVN 8048-4:2009 TCVN 11907:2017		
156	- Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 8048-5:2009 TCVN 11907:2017		
157	- Xác định ứng suất song song thớ	TCVN 8048-6:2009 TCVN 11907:2017		
158	- Xác định giới hạn bền khi kéo	TCVN 8048-7:2009 TCVN 11907:2017		
XV	**THÍ NGHIỆM VẢI ĐỊA KỸ THUẬT**			

159	- Xác định cường độ kéo giật, kéo đứt và độ giãn dài	TCVN 8871-1:2011; TCVN 8485:2010; ISO 10319 ASTM D 4632, D 4595	*Nguyễn Quang Dũng* *Hoàng Đình Duẩn* *Bùi Quốc Thân*	
160	- Xác định lực xé rách hình thang	TCVN 8871-2:2011; ASTM D 1004; ASTM D 4533		
161	- Xác định khả năng chống xuyên (CBR)	TCVN 8871-3:2011; ASTM D 6241; BS6906 ; ISO 12336;		
162	- Xác định lực kháng xuyên thủng thanh	TCVN 8871-4:2011; ASTM D 4833		
163	- Xác định kích thước lỗ biểu kiến bằng phương pháp sàng khô	TCVN 8871-6:2011		
164	- Xác định cường độ chịu kéo của mối nối; Cường độ chịu kéo tại điểm nối chiều khổ	TCVN 9138:2012; ISO 10321; ASTM D4884, D2256		
165	- Xác định khối lượng trên đơn vị diện tích	TCVN 8221:2009; ASTM D5261		
166	- Xác định độ dày danh định	TCVN 8220:2009; ASTM D5199		
167	- Xác định sức bền kháng thủng bằng phương pháp rơi côn	TCVN 8484:2010; ASTM D5199BS 6906/6; ISO 13433		
168	- Xác định kích thước lỗ lọc bằng phép thử sàng ướt	TCVN 8486:2010; ISO 12956		
169	- Xác định cường độ kéo và độ giãn dài lưới địa kỹ thuật	ASTM D6637		
170	- Xác định cường độ kéo và độ giãn dài sau khi chịu tia cực tím	TCVN 8482:2010; ASTM D4355		
XVI	**THẠCH CAO, BỘT BẢ**			
171	Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý khung xương thạch cao	ASTM C645	*Nguyễn Quang Dũng* *Hoàng Đình Duẩn* *Bùi Quốc Thân*	
172	- Xác định kích thước, độ sâu của gờ vuốt thon và độ vuông góc của cạnh	TCVN 8257-1:2023;		
173	- Xác định cường độ chịu uốn	TCVN 8257-3:2023		
174	- Xác định độ biến dạng ẩm	TCVN 8257-5:2023		
175	- Xác định độ hút nước	TCVN 8257- 6:2023		
176	- Xác định độ hấp thụ nước bề mặt	TCVN 8257-7:2023		
177	- Xác định độ thẩm thấu hơi nước	TCVN 8257-8:2023		
178	- Bột bả xác định: độ mịn, thời gian đông kết, độ giữ nước, độ cứng bề mặt, cường độ dính bám	TCVN 7239:2014; TCVN 4787:2009		

XVII	**Vật liệu chống thấm, băng cản nước, thanh trương nở, gioăng cao su**			
179	- Vật liệu chống thấm - Băng chặn nước PVC, thanh trương nở, giăng cao su xác định: khối lượng riêng, độ cứng Shore A, cường độ chịu kéo và độ giãn dài khi đứt, thay đổi khối lượng sau khi lão hóa nhiệt, độ bền hóa chất, sai lệch so với kích thước danh nghĩa, độ bàn xé rách	TCVN 9407:2014; TCVN 4866:2007; TCVN 7756-2:2007; TCVN 1595-1:2007; TCVN 4509:2006; TCVN 9409:2014; TCVN 1597:2006; ASTM D412	*Nguyễn Quang Dũng* *Hoàng Đình Duẩn* *Bùi Quốc Thân*	
180	- Màng chống thấm HDPE xác định: độ dày, lực kéo đứt, lực xé rách, kháng xuyên thủng	TCVN 11322:2018; ASTM D792, D5199, D6693, D1004, D4833		
181	- Vật liệu chống thấm gốc xi măng Polyme xác định: cường độ bám dính sau ngâm, sau khi lão hóa nhiệt, độ thấm nước dưới áp lực thủy tĩnh	TCVN 11322:2018; ASTM D792, D5199, D6693, D1004, D4833; BS EN 14891		
182	- Tấm trải chống thấm xác định: tải trọng đứt và độ giãn dài khi đứt, độ bền nhiệt, độ thấm nước	TCVN 9066:2012; ASTM D792, D5199, D6693, D1004, D4833; BS EN 14891		
XVIII	**Ống nhựa PVC, HDPE, PVC-U, PE, PPR và phụ kiện**			
183	- Xác định kích thước, độ dày	TCVN 6145:2007	*Nguyễn Quang Dũng* *Hoàng Đình Duẩn* *Bùi Quốc Thân*	
184	- Xác định độ bền kéo đứt	TCVN 7434:2004		
185	- Xác định độ bền áp suất bên trong, độ bền áp suất thủy tĩnh	TCVN 6149:2007		
186	- Xác định kích thước, nén bẹp, độ bền, độ cứng vòng, độ đàn hồi vòng	TCVN 9070:2011; TCVN 8492:2011		
187	- Xác định sự thay đổi kích thước theo chiều dọc	TCVN 6148:2007		
188	- Xác định độ biến dạng không vỡ, độ bền nén, tính uốn cong, độ bền nén, độ hấp thụ nước	TCVN 8699:2011		
189	- Ống và phụ tùng ống nối bằng PVC xác định: tỷ trọng, độ bền kéo đứt, nhiệt độ làm việc tối đa	TCVN 6151:1996		